TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 24/03/2026
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phước

Ông Trần Thanh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 306/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 01/01/1980; CCCD số: 095180012298 do Cục CSQLHC&TTXH cấp ngày 09/8/2021; địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 01/5/1979; CCCD số 095079007201 do Cục CSQLHC&TTXH cấp ngày 07/02/2021; địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau

(*Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh Đ xây dựng hôn nhân năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn 25/3/2014. Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Hiện nay, bà T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Đ có 02 người con chung tên Huỳnh Trọng N, sinh ngày 21/7/2009 và Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai người con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Minh Đ đã được Toà án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cư; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Đ vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Toà án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu quan điểm*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ;

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Trọng N1 cho bà T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Giao cháu Huỳnh Trọng N cho ông Đ trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do không có yêu cầu. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh Đ được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ, ông Đ có địa chỉ tại xã V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau. Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh Đ xây dựng hôn nhân năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của bà T, ông Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T và ông Đ cả hai đều bỏ mặt nhau không gặp nhau để hàn gắn lại hôn nhân, bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà T, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, cho bà T được ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh Đ có 02 người con chung gồm: Huỳnh Trọng N, sinh ngày 21/7/2009 và Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; xét thấy, từ khi ly thân đến nay, các cháu N và N1 vẫn được cha, mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định về thể chất và tinh thần. Quá trình làm việc, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của các cháu, theo đó cháu Trọng N1 có nguyện vọng sống với bà T, còn cháu Trọng N có nguyện vọng sống với ông Đ.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, đồng thời tôn trọng nguyện vọng chính đáng của con chưa thành niên và tránh làm xáo trộn môi trường sống, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Huỳnh Trọng N1 cho bà T

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Huỳnh Trọng N cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[6] Từ những phân tích trên xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Huỳnh Minh Đ.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Trọng N1, sinh ngày 02/01/2014 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Tiếp tục giao cháu Huỳnh Trọng N, sinh ngày 21/7/2009 cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004355 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Ông Huỳnh Minh Đ không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết công khai bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Phước;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm